TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HSST
Ngày 28 -10-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*:** Ông Kiều Văn Thành.

***- Các hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Kiều Doãn Nam.

2. Bà Nguyễn Thị Hoa.

***- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Quốc Oai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 69/2019/HSST ngày 16 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1-Phạm Văn Đ, sinh năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 1, thôn Đông H, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; bố đẻ Phạm Văn Th, sinh năm 1968; mẹ đẻ Tạ Thị X, sinh năm 1962; Vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1999; có 01 sinh năm 2018; danh chỉ bản số:213 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 28/6/2019; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 25/6/2019, tạm tha ngày 28/6/2019; Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

2-Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà 53, tổ 3, khu Xuân M, thị trấn Xuân M, huyện Ch, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; bố đẻ Nguyễn Văn Í (đã chết); mẹ đẻ Trần Thị A, sinh năm 1953; Chồng là Nguyễn Tiến C (đã ly hôn); có 02 con lớn sinh năm 1993 nhỏ sinh năm 1999; danh chỉ bản số: 232 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 28/6/2019; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2006/HSST ngày 06/10/2006 Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lưu hành tiền giả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 127/2007/HSST ngày 12/12/2007 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 42 tháng tù về tội Lưu hành tiền giả (đã xóa án tích).

Tạm giữ từ ngày 25/6/2019, tạm tha ngày 28/6/2019; Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

3-Trần Văn L, sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 1, thôn Đông H, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; bố đẻ Trần Văn L, sinh năm 1949; mẹ đẻ Kiều Thị T, sinh năm 1952; Vợ là Tạ Thị H, sinh năm 1988; có 03 con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; danh chỉ bản số:232 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 28/6/2019; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

4- Tạ Đình B, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 1, thôn Đông H, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; bố đẻ Tạ Văn M và mẹ đẻ Trần Thị Ch (đều đã chết); Vợ là Trần Thị D, sinh năm 1987; có 03 con lớn sinh năm 2008 nhỏ nhất sinh năm 2018; danh chỉ bản số: 209 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 28/6/2019; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 25/6/2019, tạm tha ngày 28/6/2019; Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

5-Nguyễn Văn V, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 1, thôn Đông H, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; bố đẻ Nguyễn Văn G (đã chết); mẹ đẻ Vũ Thị X, sinh năm 1959; Vợ là Trần Thị Minh Phương, sinh năm 1992; có 02 con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; danh chỉ bản số: 210 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 28/6/2019; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 25/6/2019, tạm tha ngày 28/6/2019; Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

6- Tạ Đình Th, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 1, thôn Đông H, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; bố đẻ Tạ Đình B, sinh năm 1959; mẹ đẻ Phạm Thị Ph, sinh năm 1961; Vợ là Bùi Thị M, sinh năm 1989; có 03 lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016; danh chỉ bản số: 212 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 28/6/2019; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 25/6/2019, tạm tha ngày 28/6/2019; Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

7- Vũ Văn Q, sinh năm 1997; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 1, thôn Đông H, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; bố đẻ Vũ Văn H, sinh năm 1972; mẹ đẻ Trần Thị Ph, sinh năm 1977; Vợ, con: Không; danh chỉ bản số: 214 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 28/6/2019; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ

ngày 25/6/2019, tạm tha ngày 28/6/2019; Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

8- Mai Văn V, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 1, thôn Đông H, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 4/12; bố đẻ Mai Văn Q, sinh năm 1957; mẹ đẻ Trần Thị H, sinh năm 1964; Vợ là Phạm Thị G, sinh năm 1989; có 02 con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; danh chỉ bản số: 211 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 28/6/2019; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 25/6/2019, tạm tha ngày 28/6/2019; Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 25/6/2019 Phạm Văn Đ rủ Tạ Đình B, Vũ Văn Q đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng. Sau đó tất cả đến nhà anh Nguyễn Văn Th ở Đội 1, thôn Đông H, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội để đánh bạc. Khi đến nhà anh Th thì thấy Nguyễn Thị N, Mai Văn V đang ngồi uống nước tại đó. Sau đó mọi người rủ nhau đánh bạc. Đức lấy bộ bài Tú lơ khơ nhà anh Th cùng B, Q, N, V để đánh Liêng ăn tiền tại phòng khách nhà anh Th , một lúc sau thì Tạ Đình Th, Trần Văn L và Nguyễn Văn V đến tham gia đánh bạc cùng.

Hình thức đánh gom mỗi ván 10.000 đồng đặt ra giữa chiếu và sử dụng bộ bài Tú lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người 3 quân, sau đó cộng điểm so ai cao nhất thì thắng, người chơi có thể tố thêm tối đa là 100.000 đồng cho từng ván chơi, nếu ai thắng thì được lấy toàn bộ số tiền bỏ ra, trong ván chơi có sáp (ba quân giống nhau) thì mỗi người chơi phải bỏ ra thêm 100.000 đồng cho người thắng và người thắng được chia bài. Các bị cáo chơi đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang cùng vật chứng thu giữ 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân; 01 chiếu cói có hoa văn, viền màu đỏ. Tiền thu trên chiếu bạc là 7.180.000 đồng; Tiền thu trên người của các bị cáo là 7.580.000 đồng. Tổng số tiền là: 14.760.000 đồng.

Khi tham gia đánh bạc các đối tượng sử dụng số tiền vào việc đánh bạc như sau:

1- Phạm Văn Đ khi tham gia đánh bạc có 1.400.000 đồng dùng đánh bac. Khi bắt quả tang thắng 800.000 đồng, thu giữ trên chiếu 800.000 đồng, thu trên người 1.400.000 đồng.

2- Nguyễn Thị N khi tham gia đánh bạc có khoảng 6.380.000 đồng dùng để đánh bạc. Khi bị bắt thắng 100.000 đồng, thu trên chiếu 460.000 đồng, thu trên người 6.020.000 đồng.

3- Trần Văn L khi tham gia đánh bạc mang theo 1.860.000 đồng dùng vào đánh bạc, khi chơi bị thua 500.000 đồng. Khi bị bắt thu tại chiếu 1.200.000 đồng, thu trên người 160.000 đồng.

4- Tạ Đình B mang theo 1.040.000 đồng để đánh bạc, khi chơi thua mất 190.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trên chiếu 850.000 đồng.

5- Nguyễn Văn V mang theo 1.020.000 đồng để đánh bạc, khi chơi thua 220.000 đồng, thu trên chiếu 800.000 đồng.

6-Tạ Đình Th mang theo 890.000 đồng để đánh bạc, khi chơi thắng 1.110.000 đồng, bị thu giữ trên chiếu 2.000.000 đồng.

7- Vũ Văn Q mang đi 850.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ trên chiếu 850.000 đồng.

8- Mai Văn V mang đi 820.000 đồng, đánh bạc thua 600.000 đồng, khi bị bắt thu trên chiếu 220.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Các bị cáo khai nhận như nội dụng vụ án đã nêu và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Kết luận điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 12/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố các bị cáo: Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị N, Trần Văn L, Tạ Đình B, Nguyễn Văn V, Tạ Đình Th, Vũ Văn Q và Mai Văn V về tội: Đánh bạc theo khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị các bị cáo: Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị N, Trần Văn L, Tạ Đình B, Nguyễn Văn V, Tạ Đình Th, Vũ Văn Q và Mai Văn V về tội : Đánh bạc.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Thị N từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng 30 đến tháng.

-Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt:

+ Phạm Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Trần Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+Tạ Đình B từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+Nguyễn Văn V từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

-Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+Tạ Đình Th từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+Vũ Văn Q từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo và cải tạo không giam giữ cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

-Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt: Mai Văn V từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Cơ quan công an thu giữ của của các bị cáo 14.760.000 đồng cần tịch thu sung quỹ nhà nước; các vật chứng khác không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy; án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội và không có tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án: Bị cáo Ninh rất ân hận việc làm của mình mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Các bị cáo khác không có ý kiến đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về hành vi của các bị cáo thì thấy: Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi nh□nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định:

Từ 20 giờ đến 21 giờ 30 ngày 25/6/2019, tại gia đình ông Nguyễn Văn Th ở Đội 1, thôn Đông H, xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị N, Trần Văn L, Tạ Đình B, Nguyễn Văn V, Tạ Đình Th, Vũ Văn Q và Mai Văn V có hành vi Đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng thì bị Công an huyện Q bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng của vụ án. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận số tiền sử dụng vào việc đánh bạc trong vụ án là Tiền thu trên chiếu bạc là 7.180.000 đồng; Tiền thu trên người của các bị cáo là 7.580.000 đồng. Tổng số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là: 14.760.000 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị N, Trần Văn L, Tạ Đình B, Nguyễn Văn V, Tạ Đình Th, Vũ Văn Q và Mai Văn V đã phạm tội

Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình nh□Cáo trạng số: 68 /CT-VKS ngày 12/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố đối với các bị cáo là đúng ng□ời, đúng tội.

Vụ án có đồng phạm nên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt cho phù hợp đối với từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn nên áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo V có bố là người có công với cách mạng nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Riêng bị cáo N không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên bị cáo sau khi chấp hành hình phạt xong đã được xóa án tích gần 10 năm bị cáo đã luôn chấp hành tốt mọi chính sách pháp luật của nhà nước và gia đình có bố đẻ là người có công với cách mạng đã tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được UBND thị trấn Xuân M xác nhận; số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn. Nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: .

- Đứng đầu trong vụ án này là Phạm Văn Đ là người lấy bài và trực chia bài cho các bị cáo khác đánh bạc; tiếp theo là bị cáo Nguyễn Thị N có số tiền dùng vào việc đánh bạc là 6.380.000 đồng; Tiếp theo là Trần Văn L có số tiền dùng vào đánh bạc là 1.860.000 đồng; Tạ Đình B là 1.040.000 đồng; Nguyễn Văn V là 1.020.000 đồng; Tạ Đình Th là 890.000 đồng; Vũ Văn Q là 850.000 đồng và sau cùng là Mai Văn V có số tiền dùng vào đánh bạc là 820.000 đồng thấp nhất so với các bị cáo khác. Nên cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Đ, N, L, B và V có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho các bị cáo được hưởng án treo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Tạ Đình Th và Vũ Văn Q là đồng phạm có vai trò thấp trong vụ án, số tiền dùng vào việc đánh bạc ít hơn các bị cáo khác nên áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo Th và Q hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ để thể hiện tính khoan hồng. Bị cáo đã bị tạm giữ, thì quy đổi 01 ngày tạm giữ, tạm

giam = 03 ngày cải tạo không giam giữ để đối trừ thời hạn cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Mai Văn V có vai trò thấp nhất, ít tích cực nhất trong vụ án. Do đó nên áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự để phạt Tiền là hình phạt chính đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Về phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dùng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếu cói cũ; 01 bộ bài Tú lơ khơ gồm 52 cây, đen. Hội đồng xét xử xét thấy những vật chứng này không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ số tiền thu giữ 14.760.000 đồng. Trong đó: Thu trên chiếu bạc là 7.180.000 đồng; Thu trên người các đối tượng đánh bạc là 7.580.000 đồng (trong đó thu của Đức 1.400.000 đồng, thu của N 6.020.000 đồng và thu của L là 160.000 đồng)

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

Từ nhưng căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH:

-Tuyên bố các bị cáo: Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị N, Trần Văn L, Tạ Đình B, Nguyễn Văn V, Tạ Đình Th, Vũ Văn Q và Mai Văn V đã phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Thị N 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ Phạm Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+Trần Văn L 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+Tạ Đình B 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+Nguyễn Văn V 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Văn Đ, Trần Văn L, Tạ Đình B và Nguyễn Văn V cho Ủy ban nhân dân xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân M, huyện C, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Tr□ờng hợp ng□ời đ□ợc h□ởng án treo thay đổi nơi c□ trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

+ Vũ Văn Q 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời hạn 03 ngày đã tạm giữ, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày Cải tạo không giam giữ.

+ Tạ Đình Th 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời hạn 03 ngày đã tạm giữ, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Tạ Đình Th và Vũ Văn Q tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội nơi bị cáo th□ờng trú nhận đ□ợc quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Th và Q cho Ủy ban nhân dân xã Đông Y, huyện Q, Thành phố Hà Nội và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt Mai Văn V 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 14.760.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) thu của các bị cáo. Trong đó: Thu trên chiếu bạc là 7.180.000 đồng; Thu trên người các đối tượng đánh bạc là 7.580.000 đồng (trong đó thu của Đ 1.400.000 đồng, thu của N 6.020.000 đồng và thu của L là 160.000 đồng)

-Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 Chiếu cói cũ đã qua sử dụng;

+ 01 Bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài.

(Hiện vật chứng đang lưu giữ tại kho Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tình trạng như biên bản bàn giao vật chứng, tài sản số: 03/2020/THA ngày 17/ 10/2019 và giấy ủy nhiệm chi số: 15 ngày 01/ 10/2019).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo Đ, N, L, B, V, Th, Q và V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tr□ờng hợp Quyết định đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP. Hà Nội;
- Công an;VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở tư pháp TP.Hà Nội;
- UBND xã;
- Bị cáo;
; Lưu: Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Kiều Văn Thành